

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI



NHÂN LỰC

KHOA HỌC XÃ HỘI

07 (62) **2018**



ISSN 0866-756X

VIETNAM JOURNAL OF SOCIAL SCIENCE MANPOWER

MỤC LỤC

Trang

KHOA HỌC XÃ HỘI

VŨ THƯ	Trách nhiệm hành chính: khái niệm, bản chất, mục đích và vị trí của nó trong quản lý nhà nước	3
PHÙNG NGỌC TUẤN ANH		
NGUYỄN MINH PHÚ	Xây dựng chính phủ kiến tạo: những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam	12
LÊ TẤN DŨNG	Một số vấn đề cấp bách về xây dựng chính quyền địa phương nông thôn cấp huyện	21
NGUYỄN THỊ THỦY	Khiếu nại và khởi kiện vụ án hành chính trong tương quan so sánh	30
PHẠM THỊ THẨM	Tiền đề cần thiết cho sự hình thành và phát triển nhân cách	37
NGUYỄN MINH TRÍ	Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với chính sách giải quyết việc làm ở Thành phố Hồ Chí Minh - thực trạng và giải pháp	43

KHOA HỌC NHÂN VĂN

NGUYỄN THỊ BÍCH HẠNH	Khả năng tạo từ và đặc điểm ngữ nghĩa của từ chỉ màu "đỏ" trong tiếng Việt	51
NGUYỄN HUYỀN GIANG		
ĐẶNG NGHIÊM THU NGÀ	Các động từ ngôn hành cầu khiến trong tiếng Anh và tiếng Việt	59
PHẠM THỊ XUÂN HÀ	Ảnh dụ ý niệm về cái chết trong thơ Hàn Mặc Tử	71
NGUYỄN THỊ THANH HÒA	Đặc điểm cấu tạo tên gọi các ngân hàng trong tiếng Việt	79
NGUYỄN THỊ XUÂN PHƯƠNG	Khảo sát phương thức dịch mệnh đề quan hệ từ tiếng Anh sang tiếng Việt (<i>Trên cơ sở ngữ liệu tác phẩm "The Wind in the Willows" và bản dịch "Gió qua rặng liễu" của Nguyên Tâm</i>)	84
NGUYỄN THỊ MỸ HIỀN	Hành trình nghiên cứu thơ tượng trưng Bích Khê từ năm 1945 đến nay	91
ĐỖ HẢI NINH	Khủng hoảng môi trường và số phận của cộng đồng thiểu số trong tiểu thuyết <i>Paris 11 tháng 8</i> của Thuận	100

CONTENTS

Page

SOCIAL SCIENCES

VUTHU PHUNG NGOC TUAN ANH	Administrative responsibility: Concept, nature, purpose and implications in state administration	3
NGUYEN MINH PHU	Building a constructive government: Theories and practices in Vietnam	12
LETAN DUNG	Urging issues in building local government at the commune level in rural areas	21
NGUYENTHITHUY	A comparison of complaint and denunciation	30
PHAMTHITHAM	Prerequisites of personality formation and development	37
NGUYEN MINH TRI	The relationship between economic growth and employment policy in Ho Chi Minh city – Situation and solution	43

HUMANITIES

NGUYENTHI BICH HANH NGUYEN HUYEN GIANG	Word formation ability and semantic features of words denoting “red” in Vietnamese	51
DANG NGHIEM THUONG	Directive performative verbs in English and Vietnamese	59
PHAMTHIXUANHA	Conceptual metaphor of death in Han Mac Tu poetry	71
NGUYENTHITHANH HOA	Structure of Vietnamese name of banks	79
NGUYENTHI XUAN PHUONG	Strategies for translating relative clauses from English to Vietnamese: A study of “The Wind in the Willows” and its Vietnamese version translated by Nguyen Tam	84
NGUYENTHI MY HIEN	The study of symbolic poetry written by Bich Khe from 1945 until now	91
DO HAI NINH	Environmental crisis and the fate of the ethnic minority community in Paris 11/8 by Thuan	100

ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO TÊN GỌI CÁC NGÂN HÀNG TRONG TIẾNG VIỆT

NGUYỄN THỊ THANH HÒA (*)

Tóm tắt: Tên gọi ngân hàng là một loại tên riêng và thuộc về tên gọi các cơ quan và tổ chức. Chúng có cấu tạo khá đặc biệt không giống như từ. Vì thế, việc nghiên cứu cấu tạo tên gọi các ngân hàng ở Việt Nam sẽ góp phần quan trọng vào việc khẳng định vị trí của loại tên gọi này trong hệ thống tên riêng tiếng Việt.

Từ khóa: Tên chung; tên riêng; tên cơ quan - tổ chức; ngân hàng.

Abstract: Bank name is a term to identify an organizational/institution. Its structure is unique and distinctive from functional word. As such, studying the structure of bank names in Vietnamese would reaffirm its importance in the system of organizational names in Vietnamese.

Keywords: Common name; personal name; organizational/institution name; bank.

Ngày nhận bài: 12/4/2018; Ngày sửa bài: 16/5/2018; Ngày duyệt đăng bài: 30/6/2018.

Mở đầu

Giai đoạn 2008-2015 đã chứng kiến sự phát triển kinh tế mạnh mẽ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường với sự đa dạng hóa nền kinh tế nhiều thành phần. Do đó, một loạt các ngân hàng, đặc biệt là các ngân hàng thương mại cổ phần ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu tín dụng tạo điều kiện môi trường cạnh tranh có hiệu quả giữa các thành phần kinh tế với nhau để tạo ra nhiều hàng hoá có chất lượng cao, giá thành hạ, mẫu mã đẹp đáp ứng nhu cầu của xã hội. Kết quả là trong vòng một thập kỷ qua, hàng loạt các ngân hàng xuất hiện với chính sách đa dạng về vốn cho các doanh nghiệp kinh doanh. Đứng trước đòi hỏi duy trì sự tồn tại trong môi trường cạnh tranh, việc đặt tên cho các thương hiệu ngân hàng với những đơn vị định danh muôn hình, muôn vẻ, biểu tượng của sức mạnh kinh tế, sản phẩm kết tinh của sự sáng tạo, niềm tin, tâm hồn của nhà sáng lập đã được hình thành.

Vấn đề lí luận định danh nói chung đã được ít nhiều đề cập đến trong các công trình nghiên cứu về Từ vựng - Ngữ nghĩa

hoặc Ngôn ngữ học xã hội, tiêu biểu như công trình của Đỗ Hữu Châu⁽¹⁾, Phạm Tất Thắng⁽²⁾. Tuy nhiên, khi tìm hiểu những phạm vi định danh cụ thể, các nhà ngôn ngữ học đa phần quan tâm đến những biểu thức định danh có tính văn hóa- lịch sử lâu đời, chẳng hạn như công trình của Lê Trung Hoa⁽³⁾... Vấn đề định danh cho các thương hiệu ngân hàng là một hiện tượng ngôn ngữ mới phát sinh trong xu hướng thị trường vốn, thị trường tín dụng ngày càng phát triển mạnh mẽ. Vì vậy, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 102 biểu thức ngôn ngữ định danh ngân hàng bao gồm hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân Việt Nam, các Ngân hàng chính sách Việt Nam, Ngân hàng Thương mại, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và các ngân hàng liên doanh tại

(*) ThS, Giảng viên Trường Đại học Tài chính ngân hàng Hà Nội; Email: hoanguyen161083@gmail.com

(1) Đỗ Hữu Châu (1999), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

(2) Phạm Tất Thắng "Không gian tên riêng tiếng Việt", *Tạp chí Khoa học*, Viện Đại học Mở Hà Nội, số 6, 2014.

(3) Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Việt Nam. Trong bài viết này, hai khía cạnh chủ yếu được tác giả đề cập bao gồm cấu tạo chung của tên các ngân hàng, cấu tạo tên cá biệt của ngân hàng. Bên cạnh đó, người đọc cũng được tiếp cận với các luận cứ khoa học đối với hiện tượng ngôn ngữ này.

1. Khái niệm “ngân hàng”

Ngân hàng là một tổ chức tài chính và trung gian tài chính chấp nhận tiền gửi và định kênh những tiền gửi đó vào các hoạt động cho vay trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các thị trường vốn. Ngân hàng là kết nối giữa khách hàng có thâm hụt vốn và khách hàng có thặng dư vốn.

Để chỉ “Ngân hàng” nói chung, người ta thống nhất sử dụng thuật ngữ “bank”. Từ này đã được mượn trong tiếng Anh trung cổ và từ tiếng Pháp trung cổ là “banque”, hay từ tiếng Ý cổ là “banca”.

Trong hệ thống ngôn ngữ, tên gọi các ngân hàng nói chung được coi là một loại tên riêng. Chẳng hạn, trong tiếng Việt, tác giả Phạm Tất Thắng đã xếp tên gọi các ngân hàng thuộc về loại “Tên gọi các tổ chức, cơ quan” và là một trong 14 loại tên riêng trong tiếng Việt⁽⁴⁾.

Việc nghiên cứu loại tên riêng này trong Việt ngữ học vẫn còn khá khiêm tốn. Riêng đối với tên gọi các ngân hàng Việt Nam lại càng chưa được giới chuyên môn quan tâm nhiều. Chính vì thế, trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi tiến hành miêu tả thành phần cấu tạo của chúng để góp phần tìm hiểu bản chất của loại tên gọi khá đặc biệt này trong hệ thống tên riêng tiếng Việt.

2. Về định danh ngôn ngữ

Ngay từ thuở sơ khai, con người đã có nhu cầu gọi tên sự vật, hiện tượng, hành động, trạng thái, tính chất,... Định danh do đó là một trong những chức năng quan trọng bậc nhất của từ ngữ. Theo Nguyễn Như ý, định danh là *sự cấu tạo các đơn vị ngôn ngữ có chức năng để gọi tên, chia tách các đoạn của hiện thực khách quan, trên cơ*

sở đó hình thành những khái niệm tương ứng về chúng dưới dạng về các từ, cụm từ, ngữ cú và câu⁽⁵⁾. Xét về cấu tạo, biểu thức ngôn ngữ định danh có thể tồn tại dưới dạng một từ định danh mang tính vô đoán hoặc một cụm từ chính phụ- một cấu trúc phức thể mang tính chất phân tích, miêu tả. Thành tố cấu tạo nên biểu thức định danh có thể là hình vị hoặc từ, có nguồn gốc ngôn ngữ bản địa hoặc sao phỏng, vay mượn. Xét từ mối quan hệ giữa biểu thức ngôn ngữ định danh với đối tượng được định danh trong thực tế, Nguyễn Đức Tôn phân biệt những phương thức lựa chọn đặc trưng của khách thể để làm cái khu biệt, làm cơ sở để định danh gồm: *chọn đặc trưng căn bản của nó* còn gọi là phương thức định danh khách quan; *chỉ có tính chất kỹ thuật ngôn ngữ thuần túy* - phương thức định danh chủ quan; hoặc *bao gồm sự thống nhất của cả hai cực đó*⁽⁶⁾. Biểu thức ngôn ngữ định danh cao ốc cũng giống như những biểu thức định danh khác, cũng có thể được tiếp cận trên các bình diện: cấu tạo, nguồn gốc và phương thức định danh.

3. Mô hình khái quát tên gọi ngân hàng

Khác với tên chung (common name), tên riêng (proper name) là tên gọi để chỉ một đối tượng cá biệt và đơn nhất. Chính vì thế, trong địa hạt chính tả, các tên riêng phải được viết hoa. Về mặt cấu tạo, các tên riêng khác với các tên chung, nên có người đã tách tên riêng ra khỏi lớp danh từ mà ngữ pháp truyền thống gọi chúng là danh từ riêng⁽⁷⁾.

Chẳng hạn trong bài: *Về vị trí của tên riêng trong hệ thống danh từ tiếng Việt*, tác

⁽⁴⁾ Phạm Tất Thắng, “Không gian tên riêng tiếng Việt”, *Tạp chí Khoa học*, Viện Đại học Mở Hà Nội, Số 6, 2014.

⁽⁵⁾ Nguyễn Như ý (1997), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

⁽⁶⁾ Nguyễn Đức Tôn (2010), *Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.165.

⁽⁷⁾ Nguyễn Tài Cẩn (1975), *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

giả Phạm Tất Thắng cho rằng, *các tên riêng không "thỏa mãn" các đặc trưng chủ yếu của từ loại danh từ. Vì thế chúng cần được tách khỏi danh từ làm thành một lớp riêng, có cấu trúc - chức năng đặc biệt, khác hẳn với danh từ chung và các lớp từ loại khác trong hệ thống ngôn ngữ* và ông gọi chúng là một "ngữ định danh"⁽⁸⁾.

Cũng trong một bài viết khác của Phạm Tất Thắng, khi tiến hành miêu tả cấu tạo của các loại tên riêng tiếng Việt, trừ tên chính của người Việt mà ông gọi là một "Tổ hợp định danh", còn tất cả các loại tên riêng khác, ông gọi chúng là một "Đơn vị định danh đa thành tố"⁽⁹⁾.

Xuất phát từ quan niệm nói trên của Phạm Tất Thắng, chúng tôi cũng cho rằng, tên các ngân hàng ở Việt Nam là một "Đơn vị định danh đa thành tố" và tiến hành miêu tả cấu tạo của chúng như sau.

Về cấu tạo khái quát, tất cả tên gọi các ngân hàng ở Việt Nam đều được cấu tạo theo mô hình khái quát gồm hai thành phần sau đây:

Tên ngân hàng	
Tên chung	Tên cá biệt

Trong mô hình trên, thành phần "Tên chung" là các từ chỉ "Ngân hàng" nói chung. Chúng thường đứng ở vị trí thứ nhất và mở đầu tên riêng. Còn thành phần "Tên cá biệt" đứng liền sau thành phần thứ nhất, có nhiệm vụ chỉ ra đặc điểm riêng mang tính cá biệt và đơn nhất của cả tổ hợp tên gọi.

Ví dụ: *Ngân hàng Đông Á, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Xây dựng...*

Trong hệ thống ngân hàng ở Việt Nam, có nhiều loại ngân hàng khác nhau do Nhà nước làm chủ sở hữu, ngân hàng vốn nước ngoài hoặc ngân hàng thương mại cổ phần,... Tổng số tên gọi các loại ngân hàng xuất hiện ở Việt Nam hiện nay gồm có 47 tên gọi. Cụ thể như sau:

1. Ngân hàng chính sách gồm có 2/47 ngân hàng bao gồm Ngân hàng Chính sách

xã hội Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam, chiếm tỉ lệ 1.9%.

2. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (tiên thân là Quỹ tín dụng nhân dân trung ương), chiếm tỉ lệ 1/47.

3. Ngân hàng Thương mại Nhà nước gồm có 4/47 ngân hàng, chiếm tỉ lệ 3.8 % gồm có *Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam*, Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên *Dầu khí Toàn Cầu*, Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên *Đại Dương*, Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên *Xây dựng*.

4. Ngân hàng Thương mại cổ phần trong nước gồm có 31/47 ngân hàng, chiếm tỉ lệ 30.5 %. Nhóm ngân hàng này chiếm số lượng lớn nhất trong danh sách hệ thống ngân hàng tại Việt Nam.

5. Ngân hàng 100% vốn nước ngoài và chi nhánh, văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam có tất cả 9/47 ngân hàng, chiếm tỉ lệ 60%.

6. Ngân hàng liên doanh tại Việt Nam chỉ có 2/47 ngân hàng, chiếm tỉ lệ 1.9%⁽¹⁰⁾.

Có thể hình dung sự phân bố tên gọi các loại ngân hàng ở Việt Nam theo sơ đồ sau đây:

Tên gọi các loại ngân hàng	Tỉ lệ
Ngân hàng Chính sách	1.9%
Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	1.9%
Ngân hàng Thương mại Nhà nước	3.8%
Ngân hàng TMCP trong nước	30.5%
Ngân hàng 100% vốn nước ngoài và chi nhánh, văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam	60%
Ngân hàng liên doanh tại Việt Nam	1.9%

⁸ Phạm Tất Thắng, *Về vị trí của tên riêng trong hệ thống danh từ tiếng Việt*, BCKH tại Hội thảo Khoa học quốc tế "Đào tạo và nghiên cứu Ngôn ngữ học ở Việt Nam: Những vấn đề lí luận và thực tiễn, Khoa Ngôn ngữ học, ĐHKHXH&NV Hà Nội, 2011".

⁹ Phạm Tất Thắng, *Tên riêng là một loại đơn vị từ vựng*, Trong "Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và Giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường", Kỷ yếu Hội thảo Ngữ học - 2016, Nxb. Dân trí.

¹⁰ Nguồn: <https://www.sbv.gov.vn/>

Tùy theo đặc điểm về nguồn vốn và cơ chế hoạt động của mỗi loại ngân hàng, mà tên gọi các ngân hàng là không hoàn toàn như nhau.

Dựa vào cấu tạo tên gọi các loại ngân hàng, chúng tôi tiến hành phân loại cấu tạo tên gọi cá biệt của các ngân hàng ở Việt Nam thành các kiểu mô hình cụ thể sau đây:

Kiểu I. Ngân hàng + Tên châu lục

Đây là loại tên gọi cá biệt của các ngân hàng mà ở đó xuất hiện từ chỉ châu lục. Trong số 47 tên gọi ngân hàng hiện có ở Việt Nam, thì tên gọi Kiểu I có số lượng 06/47, chiếm tỷ lệ 12, 8%

Ví dụ: Ngân hàng *Á Châu*, Ngân hàng *Đông Á*, Ngân hàng *Đông Nam Á*, Ngân hàng *Bắc Á*, Ngân hàng *Nam Á*, Ngân hàng *Việt Á*, Ngân hàng *Đại Á*.

Kiểu II. Ngân hàng + Tên vị trí địa lý trong nước

Đây là loại tên gọi cá biệt của các ngân hàng mà ở đó xuất hiện từ chỉ vị trí địa lý trong nước. Tên gọi kiểu II có số lượng 3/47, chiếm tỷ lệ 6%.

Ví dụ: Ngân hàng *Nam Việt*, Ngân hàng *Sài Gòn*, Ngân hàng *Sài Gòn - Hà Nội*.

Kiểu III. Ngân hàng + Tên các hướng

Đây là loại tên gọi cá biệt của các ngân hàng mà ở đó xuất hiện các từ chỉ phương hướng như Đông, Tây, Nam, Bắc. Tên gọi kiểu III có số lượng 3/47, chiếm tỷ lệ 6%.

Ví dụ: Ngân hàng *Phương Đông*, Ngân hàng *Phương Tây*, Ngân hàng *Phương Nam*.

Kiểu IV. Ngân hàng + Từ chỉ tính chất

Đây là loại tên gọi cá biệt của các ngân hàng mà ở đó xuất hiện các từ chỉ tính chất như An Bình, Thịnh Vượng, Tiên Phong, Đại Tín, Phát triển. Số lượng các ngân hàng thuộc kiểu này là 6/47, chiếm tỉ lệ 12, 8%.

Ví dụ: Ngân hàng *An Bình*, Ngân hàng *Quốc Tế*, Ngân hàng *Tiên Phong*, Ngân hàng *Đại Tín*, Ngân hàng *Phát triển Mê Kông*.

Kiểu V. Ngân hàng + Từ chỉ lĩnh vực hoạt động + yếu tố địa lý

Các tên gọi cá biệt thuộc kiểu V bao gồm Dầu khí, Hàng hải, Kỹ thương, Nhà, Phát triển nhà, Công thương, Thương tín, Bảo Việt, Xăng dầu, Xuất nhập khẩu, Bưu điện, Ngoại thương, Đầu tư, Nông nghiệp, Phát triển nhà. Tên gọi kiểu V có số lượng 15/47, chiếm tỉ lệ 32%. Khi phân tích cấu tạo của kiểu V này, tác giả đã phát hiện thêm yếu tố địa lý xuất hiện như Toàn cầu, Việt Nam, Hà Nội, Hồ Chí Minh, Sài Gòn.

Ví dụ: Ngân hàng Dầu khí *Toàn Cầu*, Ngân hàng Hàng hải *Việt Nam*, Ngân hàng Kỹ Thương *Việt Nam*, Ngân hàng Nhà *Hà Nội*, Ngân hàng Phát triển nhà *Thành phố Hồ Chí Minh*, Ngân hàng Sài Gòn Công Thương, Ngân hàng *TMCP Sài Gòn Thương Tín*.

Kiểu VI: Ngân hàng + Tên kết hợp giữa yếu tố Việt và yếu tố nước ngoài

Một số tên gọi ngân hàng thuộc nhóm này đó là ANZ Việt Nam, Deutsche Bank Việt Nam, Citibank Việt Nam, TNHH một thành viên HSBC Việt Nam, TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam, Hong Leong Việt Nam, Commonwealth Bank Việt Nam, Standard Chartered Việt Nam, Public Bank Việt Nam, CIMB Việt Nam, Woori Việt Nam, UOB Việt Nam. Số lượng các ngân hàng thuộc kiểu này có số lượng 12/47, chiếm tỉ lệ 26%.

Như vậy, có thể hình dung sự phân bố tên gọi hai kiểu tên gọi ngân hàng ở Việt Nam theo sơ đồ sau đây:

Các kiểu tên gọi ngân hàng	Tỉ lệ
Kiểu I: Ngân hàng + Tên châu lục	12,8%
Kiểu II: Ngân hàng + Tên vị trí địa lý trong nước	6%

Các kiểu tên gọi ngân hàng	Tỉ lệ
Kiểu III: Ngân hàng + Tên các hướng	6%
Kiểu IV: Ngân hàng + Từ chỉ tính chất	12, 8%
Kiểu V: Ngân hàng + Từ chỉ lĩnh vực hoạt động + yếu tố địa lý	32%
Kiểu VI: Ngân hàng + Tên kết hợp giữa yếu tố Việt và yếu tố nước ngoài	26%

Kết luận

Tóm lại, tên riêng nói chung và tên cơ quan tổ chức nói riêng, trong đó có tên gọi ngân hàng ở Việt không chỉ có cấu trúc phức tạp mà trong các thành phần tạo nên chúng còn chứa đựng những thông tin đủ loại mang tính lịch sử, kinh tế, văn hóa và xã hội đặc trưng cho mỗi một cộng đồng ngôn ngữ nhất định. Vì thế, để hiểu tên gọi ngân hàng, ngoài những đặc điểm về mặt cấu tạo của tên gọi, người ta còn phải gắn tên gọi đó với một ý nghĩa nhất định. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi chỉ dừng lại việc xem xét các yếu tố cấu tạo của tên gọi; về ý nghĩa cũng như quá trình hoạt động của chúng trong hoạt động giao tiếp, cần tiếp tục có những nghiên cứu tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tài Căn (1975), *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Phạm Tất Thắng, *Về ý nghĩa của tên riêng*, Trong: "Tiếng Việt & ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam", Kỷ yếu, Viện Ngôn ngữ học, 1998.
3. Phạm Tất Thắng, *Mối quan hệ giữa tên riêng và tên chung*, Trong: "Những vấn đề ngôn ngữ học", Nxb. Khoa học xã hội, H, 2004.

4. Phạm Tất Thắng, "Một cách phân loại tên riêng trong tiếng Việt", *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 5, 2003.

5. Phạm Tất Thắng, "Sự khác biệt giữa tên chung và tên riêng", *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, số 6, 2004.

6. Phạm Tất Thắng, *Về vị trí của tên riêng trong hệ thống danh từ tiếng Việt*, BCKH tại Hội thảo Khoa học quốc tế "Đào tạo và nghiên cứu Ngôn ngữ học ở Việt Nam: Những vấn đề lí luận và thực tiễn", Khoa ngôn ngữ học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội, 2011.

7. Phạm Tất Thắng, "Không gian tên riêng tiếng Việt", *Tạp chí Khoa học*, Viện Đại học Mở Hà Nội, số 6, 2014.

8. Phạm Tất Thắng, *Tên riêng là một loại đơn vị từ vựng*, Trong "Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và Giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường", Kỷ yếu Hội thảo Ngữ học - 2016, Nxb. Dân trí.

9. Đỗ Hữu Châu (1999), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

10. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

11. Nguyễn Đức Tồn (2010), *Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.

12. Nguyễn Như ý (1997), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

13. Gardiner, Alan (1954) *The Theory of Proper name : A Con troversial Essay*, 2 nd edition. London: Oxford University Press.

14. Gardiner. A - *The theory of proper names*, London- New York, 1954.

15. Mac. K, Engel, Lenin.V.I - O Dialekchitreskom macherianlizme, Polichizdat, M, 1968.

16. Searle.J, *The proplem of proper names*, "Semantics" (Mass), 1971.